

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

BÀI: Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

**THUỘC NHIỆM VỤ
THU THẬP, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ TRIỂN
KHAI HIỆP ĐỊNH CPTPP NĂM 2024**

Hà Nội, 2024

Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

Trong 7 tháng đầu năm 2024, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP tiếp tục ghi nhận những dấu hiệu tích cực so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là về các tháng cuối năm khi dịp Tết gần kề, tuy nhiên ngành gạo Việt Nam vẫn được dự báo sẽ khởi sắc và có thể đạt kế hoạch đề ra do nhu cầu nhập khẩu gạo của nhiều quốc gia trên toàn cầu đang có xu hướng tăng.

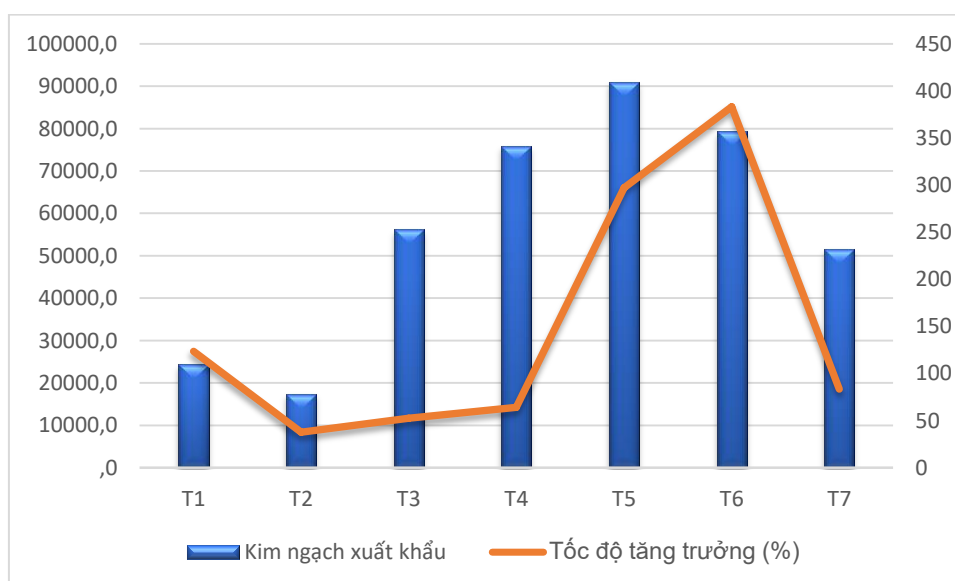
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính riêng tháng 7/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo sang khối thị trường thành viên CPTPP đạt 53,58 triệu USD, giảm 35,45% so với tháng 6/2024; lượng đạt 88,25 nghìn tấn, giảm 35,94%. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP đạt 678,87 nghìn tấn, tăng 129,6% so với 7 tháng đầu năm 2023; kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 414,23 triệu USD, tăng 14,84%, chiếm 1,30% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang khối thị trường này. Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2021 – 2023 đạt 2,24%.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong năm 2024, giá trị xuất khẩu của toàn ngành lúa gạo trong nước dự kiến sẽ vượt kỳ vọng 5 tỷ USD. Đáng chú ý, tại nhiều tỉnh thành tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, năng suất lúa gạo tăng cao, mặc dù diện tích gieo trồng giảm so với năm 2023 nhưng không ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng thu được.

Từ tháng 5/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo sang các thị trường thuộc thị trường CPTPP đổi chiều giảm so với các tháng trước đó, tính riêng trong tháng 7/2024 kim ngạch xuất khẩu giảm đáng kể 43,33% so với tháng 5/2024.

Biểu đồ 1: Trị giá xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP hàng tháng năm 2024

ĐVT: Nghìn USD, %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hiệp định CPTPP mang lại nhiều cơ hội mở rộng thị trường cho mặt hàng gạo, tuy nhiên để chiếm lĩnh được những thị trường thuộc thị trường CPTPP, nông sản thế mạnh của Việt Nam như gạo cần vượt qua được các rào cản về kỹ thuật và các biện pháp kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm. Bởi trên thực tế, nếu doanh nghiệp không đáp ứng được những quy định này thì dù thuế suất được ưu đãi về 0% thì mặt hàng gạo vẫn khó mở rộng thị phần cao hơn nữa tại nhóm CPTPP.

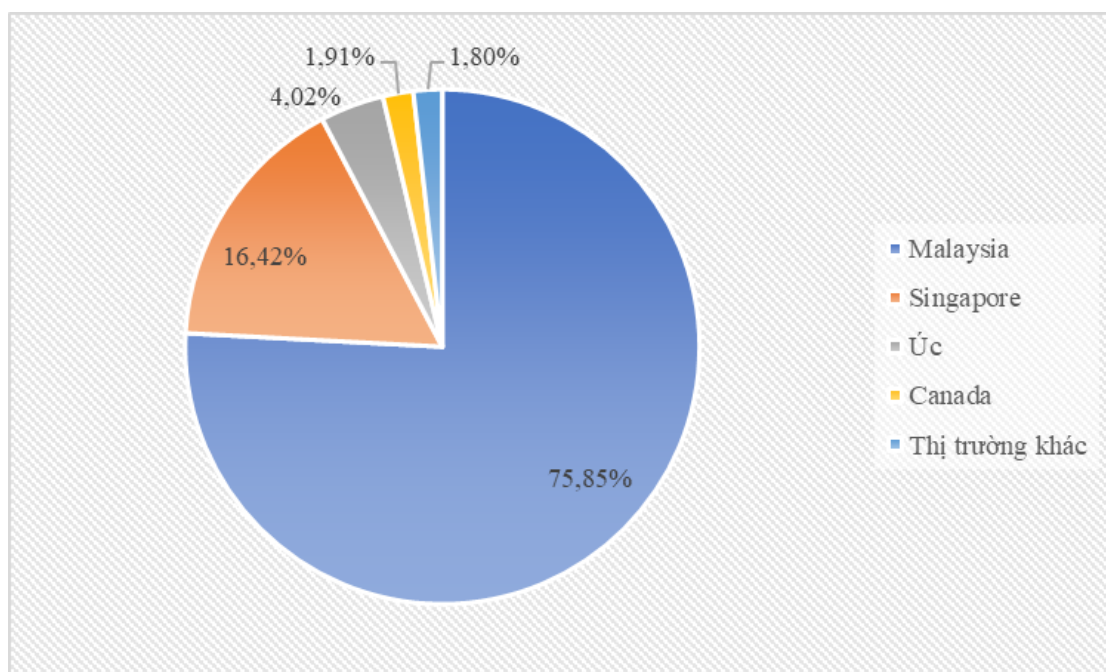
Với những kết quả đã đạt được trong 7 tháng đầu năm 2024, các doanh nghiệp kỳ vọng trong nửa cuối năm 2024, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn diễn ra sôi nổi và gặt hái thêm nhiều thành tựu. Phần lớn các doanh nghiệp sản xuất gạo trong cả nước đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tập trung phát triển một số loại gạo cao cấp để tiếp cận thêm các đối tượng người dùng mới. Theo báo cáo từ nhiều doanh nghiệp, doanh số xuất khẩu của công ty trong năm 2024 đã tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo sang thị trường CPTPP

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024 tăng đáng kể với cùng kỳ năm trước cả về trị giá và lượng. Trong đó: Malaysia, Singapore, Úc và Canada tiếp tục là 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong khối, với tỷ trọng lần lượt về trị giá là 75,85%; 16,42%, 4,02% và 1,91%.

Biểu đồ 2: Nhóm 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất thuộc thị trường CPTPP của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024 (% tính theo trị giá)

ĐVT: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

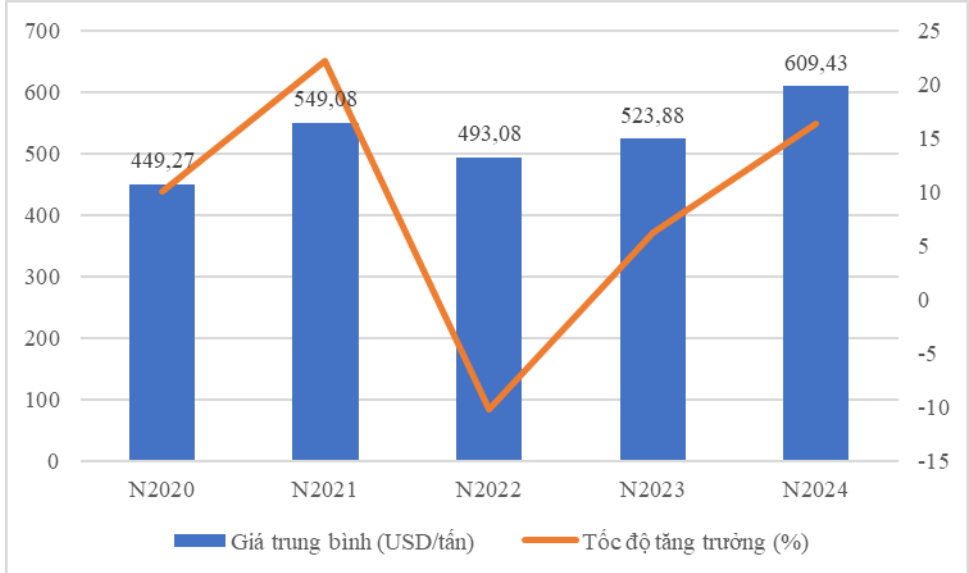
Giá xuất khẩu gạo trung bình đạt 609,43 USD/tấn, tăng 16,33% so với 7 tháng đầu năm 2023. Trong 7 tháng đầu năm giai đoạn 2020 – 2024, giá gạo xuất khẩu trung bình đạt 524,95 USD/tấn. Mặc dù thị trường biến động nhưng giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, điều này hứa hẹn xuất khẩu gạo sẽ tăng trưởng mạnh trong các tháng cuối năm.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến giá gạo xuất khẩu tăng, trong đó có việc một số quốc gia nhập khẩu lương thực đang phải đối mặt với tình trạng sản xuất trong

nước khó khăn, vì vậy cần tăng cường nhập khẩu từ bên ngoài và Việt Nam là một trong những sự lựa chọn hàng đầu. Ngoài ra, một số thị trường sản xuất gạo chủ lực như Thái Lan và Ấn Độ lại đang phải đối mặt với tình hình thiên tai, hạn hán nghiêm trọng nên hoạt động sản xuất trong nước bị đình trệ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn cung lúa gạo toàn cầu.

Biểu đồ 3: Giá gạo xuất khẩu trung bình 7 tháng đầu năm giai đoạn 2020 - 2024 và tốc độ tăng trưởng so với các năm trước

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong năm 2024, do giá thành gạo nguyên liệu trong nước tăng nên giá gạo thành phẩm cũng tăng so với năm 2023. Hiện nay, ST25 là mặt hàng gạo đặc sản chất lượng cao của Việt Nam được người tiêu dùng ở nhiều thị trường lớn ưa chuộng. Tại Nhật Bản, gạo ST25 đã được đưa vào thực đơn của Văn phòng Nội các Nhật Bản, đây là một thành công rất lớn góp phần xây dựng thương hiệu gạo Việt tại thị trường CPTPP cũng như tạo động lực cho nhiều chủng loại gạo khác của Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường lớn này.

Dự báo từ tháng 8/2024, thị trường lúa gạo trong nước sẽ còn diễn biến sôi động hơn nữa do các doanh nghiệp đang bận rộn chuẩn bị cho mùa tiêu thụ vào cuối năm.

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Tên thị trường	Tháng 7/2024		So với tháng 6/2024 (%)		7 tháng đầu năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	88.253	53.583	-35,94	-35,45	678.873	414.234	100,00	100,00
Malaysia	68.227	39.493	-41,95	-42,28	529.730	314.179	78,03	75,85
Singapore	12.481	8.226	11,22	8,87	104.133	68.012	15,34	16,42
Úc	4.205	3.435	23,06	10,51	20.617	16.645	3,04	4,02
Canada	865	695	-68,56	-67,10	12.534	7.923	1,85	1,91
New Zealand	1.260	930	-47,64	-38,67	9.050	5.435	1,33	1,31
Nhật Bản	467	342	833,00	638,79	1.369	1.104	0,20	0,27
Chile	728	439	116,02	112,7	1.158	708	0,17	0,17
Mexico		0	-100,00	-100,00	235	183	0,03	0,04
Brunây		0			65	62	0,01	0,01
Peru	20	24			47	43	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

- **Thị trường Singapore:**

Singapore là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ hai của Việt Nam trong thị trường CPTPP với lượng xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2024 đạt 104,13 nghìn tấn, trị giá 68,01 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,34% về lượng và 16,42% về trị giá trong các thị trường xuất khẩu gạo thuộc thị trường CPTPP.

Hiện nay, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất sang thị trường Singapore. Chiều hướng tăng mạnh nhu cầu nhập khẩu gạo của Singapore từ năm 2023 tiếp tục được duy trì trong các tháng đầu năm 2024, nguyên nhân chính được cho là sự phục hồi mạnh mẽ của lượng khách du lịch đến Singapore đã khiến nước này phải tăng cường nhập khẩu tinh bột nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cao trong nước.

Bảng 2: Một số chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Singapore trong 7 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Chủng loại	Tháng 7 năm 204				7 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	So với tháng 6/2024	Trị giá	So với tháng 6/2024	Lượng	Trị giá	Tỷ trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo thơm	12.041	-11,56	4.506	-52,05	75.411	46.965	60,78	61,08
Gạo nếp	3.556	7,82	2.138	7,98	23.501	14.131	18,94	18,38
Gạo trắng	2.567	6,50	769	-46,64	13.790	7.552	11,11	9,82
Gạo giống Nhật	967	-44,35	702	-45,39	8.141	6.108	6,56	7,94
Gạo tằm	121	-89,69	93	-88,07	2.214	1.429	1,78	1,86

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xét về chủng loại, gạo thơm là loại gạo Việt Nam xuất khẩu sang Singapore nhiều nhất. Tính riêng tháng 7/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo thơm sang Singapore đạt 4,51 triệu USD, giảm 52,05% so với tháng 6/2024; lượng đạt 12,04

nghìn tấn, giảm 11,56%. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo thơm đạt 46,97 triệu USD, chiếm tỷ trọng 61,08% tổng các chủng loại xuất khẩu sang Singapore; lượng đạt 75,41 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 60,78%. Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều gạo nếp, gạo trắng và gạo giống Nhật sang thị trường Singapore, với tỷ trọng lần lượt tính theo trị giá là 18,38%; 9,82% và 7,94%.

Bảng 3: Nhóm các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Singapore trong 6 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Nguồn cung	Tháng 6/2024	So với Tháng 6/2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2023 (%)
Thế giới	29.523	10,92	166.732	12,76	100,00	100,00
Việt Nam	8.125	1,25	54.494	53,56	32,68	24,00
Thái Lan	8.649	-3,10	52.508	13,68	31,49	31,24
Ấn Độ	9.967	24,62	43.415	-22,19	26,04	37,74
Campuchia	1.188	251,48	5.296	127,30	3,18	1,58
Nhật Bản	727	9,00	4.381	1,65	2,63	2,91
Pakistan	459		2.298	1452,70	1,38	0,10
Đài Loan	158	54,90	1.401	57,77	0,84	0,60
Myanmar	62	-34,04	969	15,63	0,58	0,57
Hoa Kỳ	105	-28,57	673	22,59	0,40	0,37
Úc	0	-100,00	522	-21,27	0,31	0,45
Trung Quốc	48	-29,41	223	110,38	0,13	0,07
Italy	27	22,73	157	-8,72	0,09	0,12

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại thị trường Singapore, các đối thủ cạnh tranh lớn nhất của gạo Việt Nam tại quốc gia này phải kể đến Thái Lan, Ấn

Độ ... Về cơ bản, thị trường gạo của Singapore có nhu cầu ổn định ở mức 300 đến 400 triệu SGD mỗi năm.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tận dụng khá tốt việc Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu các loại gạo ngoài basmati từ ngày 20/7/2023, nhờ đó thị phần và giá trị kim ngạch xuất khẩu sang Singapore đã tăng cao hơn so với trước đây. Ngoài ra, sự quan tâm của các hiệp hội ngành hàng trong công tác xúc tiến thương mại kết hợp với sự hỗ trợ doanh nghiệp của Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore; cùng với đó là sự chỉ đạo, định hướng từ các Bộ ngành, địa phương đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gạo vào thị trường này.

- **Thị trường Úc**

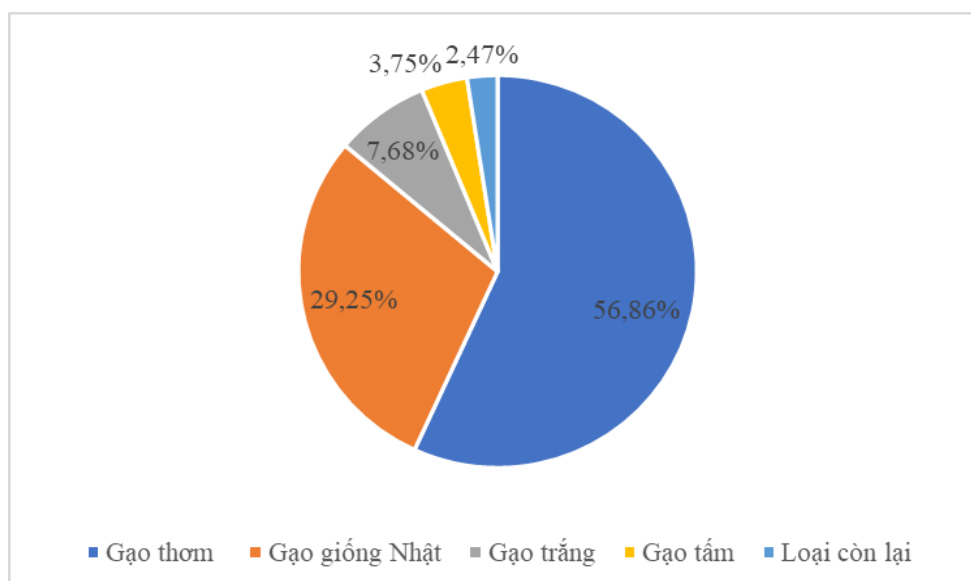
Úc là một trong 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024. Tính riêng tháng 7/2024, cả lượng và trị giá xuất khẩu gạo đều ghi nhận mức tăng so với tháng 6/2024; với lượng và trị giá lần lượt đạt 4,2 nghìn tấn, tăng 23,06% và 3,44 triệu USD, tăng 10,51%. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Úc đạt 16,65 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,02%; lượng đạt 20,62 nghìn tấn, chiếm 3,04%.

Các chủng loại gạo xuất khẩu sang Úc chủ yếu là gạo thơm, gạo giống Nhật, gạo trắng và gạo tằm. Trong đó, gạo thơm là mặt hàng ghi nhận sản lượng và kim ngạch cao nhất trong 7 tháng đầu năm 2024, lần lượt là 18,67 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 61,13% và 12,12 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,86%.

Các chủng loại gạo giống Nhật, gạo trắng và gạo tằm chiếm tỷ trọng về trị giá lần lượt là 29,25%; 7,68% và 3,75%. Riêng gạo Hàm Châu là loại gạo xuất khẩu sang Úc ít nhất, với tỷ trọng về trị giá chỉ chiếm 0,63% tổng các chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường này.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng các chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Úc trong 7 tháng đầu năm 2024 (tỷ trọng tính theo trị giá)

DVT: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trước đây, tại thị trường Úc, chỉ có loại gạo Thái Lan nhãn hiệu Hoa Hồng với bao bì trọng lượng nhỏ là phổ biến với người dân. Sau khi gạo ST25 được Thương vụ Việt Nam tại Úc nỗ lực hỗ trợ xuất khẩu sang thị trường này, ngày càng có nhiều nhà nhập khẩu tại Úc quan tâm đến loại gạo cao cấp này của Việt Nam; đồng thời gạo Việt Nam với đủ loại nhãn hiệu đã từng bước phủ rộng tại khắp nước Úc trong những năm gần đây. Thương vụ đã tích cực triển khai các sự kiện lớn về việc dùng thử gạo ST25 và các loại gạo khác của Việt Nam, đồng loạt tại các bang ở vùng sâu vùng xa trên toàn nước Úc như Lãnh thổ Bắc Úc; nhờ đó thương hiệu gạo Việt Nam được quảng bá sâu rộng tại thị trường này.

Úc không phải là thị trường lớn, dân số ít dẫn đến tiêu thụ ít nhưng quốc gia này đòi hỏi chất lượng thực phẩm khá cao. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần xây dựng thương hiệu từ việc rõ ràng về thông tin, nhãn hiệu đẹp mắt, chất lượng bảo đảm và thống nhất các lô hàng xuất đi theo đúng một quy chuẩn chung. Bên cạnh đó, Thương vụ Việt Nam tại Úc luôn nỗ lực hỗ trợ các doanh nghiệp

nắm bắt thông tin thị trường, tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế, từ đó cải thiện chất lượng sản phẩm và thu hút thêm nhiều đối tượng khách hàng hơn.

Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Úc trong 6 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Nguồn cung	Tháng 6/2024	So với Tháng 6/2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 6 tháng đầu năm 2023 (%)
Thế giới	18.588	18,30	127.144	36,54	100,00	100,00
Ấn Độ	5.693	4,08	40.898	35,56	32,17	32,40
Thái Lan	6.546	40,87	39.778	46,95	31,29	29,07
Việt Nam	2.024	30,66	15.891	34,96	12,50	12,64
Pakistan	1.514	36,64	11.147	54,67	8,77	7,74
Đài Loan	706	-30,78	4.946	22,94	3,89	4,32
Italy	476	6,73	3.443	12,52	2,71	3,29
Campuchia	344	-18,29	2.691	32,50	2,12	2,18
Bỉ	332	374,29	1.809	-4,13	1,42	2,03
Nhật Bản	153	0,66	1.483	10,92	1,17	1,44
Hoa Kỳ	178	-39,04	1.434	0,49	1,13	1,53
Tây Ban Nha	230	-12,55	1.265	-4,38	0,99	1,42
Sri Lanka	47	-7,84	662	117,76	0,52	0,33
Hàn Quốc	131	95,52	503	33,07	0,40	0,41
Bangladesh	88	214,29	284	51,06	0,22	0,20
Iran	14	-60,00	182	-31,84	0,14	0,29
Trung Quốc	3	-83,33	158	20,61	0,12	0,14
Hà Lan	0		98	38,03	0,08	0,08
Myanmar	0		97	259,26	0,08	0,03

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Cơ cấu chủng loại mặt hàng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP

Đứng đầu trong các chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024 tiếp tục là loại Gạo trắng; tính riêng trong tháng 7/2024, sản lượng gạo trắng đạt 34,20 nghìn tấn, giảm mạnh 82,30% so với tháng 6/2024, trị giá 19,01 triệu USD, giảm 82,86%; lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu sang thị trường CPTPP đạt 490,63 nghìn tấn, kim ngạch đạt 284,02 triệu USD, chiếm tỷ trọng 58,92% về lượng và 56,71% về trị giá trong tổng các chủng loại gạo xuất khẩu sang khối này.

Bảng 5: Chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường thuộc thị trường CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

DVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng – tấn

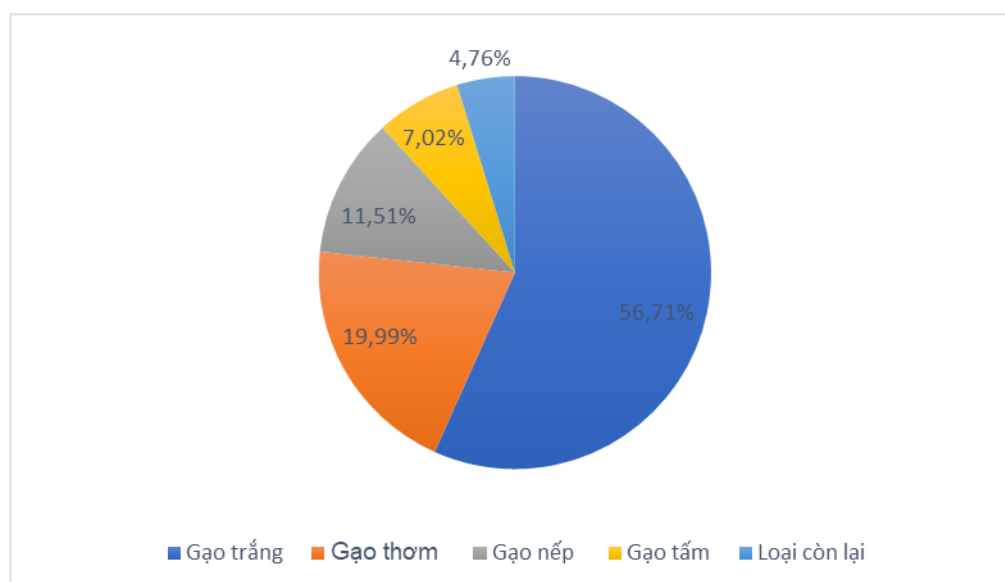
Chủng loại	Tháng 7 năm 204				7 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	So với tháng 6/2024	Trị giá	So với tháng 6/2024	Lượng	Trị giá	Tỷ trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo trắng	34.199	-82,30	19.007	-82,86	490.625	284.015	58,92	56,71
Gạo thơm	20.965	-42,46	10.948	-54,16	154.187	100.138	18,52	19,99
Gạo nếp	7.642	-36,01	4.916	-32,02	93.910	57.653	11,28	11,51
Gạo tằm	28.457	18,65	16.233	17,03	60.784	35.183	7,30	7,02
Gạo giống Nhật	3.124	-62,01	2.393	-60,51	29.795	22.256	3,58	4,44
Gạo lứt	75	-56,51	53	-70,42	2.264	770	0,27	0,15
Gạo Hàm Châu	12	-97,78	10	-97,02	932	609	0,11	0,12
Gạo huyết rồng	20	290,01	18	292,74	183	158	0,02	0,03
Gạo Calrose			0		72	53	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xếp ở vị trí thứ hai trong nhóm này là chủng loại Gạo thơm với lượng trong tháng 7/2024 đạt 20,97 nghìn tấn, giảm 42,46% so với tháng 6/2024 và kim ngạch đạt 10,95 triệu USD, giảm 54,16%. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu sang các nước thuộc thị trường CPTPP tổng 100,14 triệu USD mặt hàng gạo thơm; lượng đạt 154,19 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 18,52% về lượng và 19,99% về trị giá trong cơ cấu chủng loại chung.

Biểu đồ 5: Cơ cấu tỷ trọng các nhóm mặt hàng gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu thêm nhiều chủng loại gạo khác như gạo nếp, gạo tằm và gạo giống Nhật, với tỷ trọng lần lượt theo trị giá đạt 11,51%; 7,02% và 4,44% ... Trong đó, loại Gạo Calrose chiếm tỷ trọng thấp nhất trong cơ cấu chủng loại chung, với kim ngạch trong 7 tháng đầu năm 2024 chỉ đạt 53 nghìn USD, sản lượng 72 tấn, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chung. Đáng chú ý, trong số các chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường CPTPP trong tháng 7/2024, gạo huyết rồng là mặt hàng ghi nhận mức tăng mạnh nhất cả về lượng và trị giá so với tháng 6/2024, lần lượt là 290,01% và 292,74%.

Đánh giá triển vọng và dự báo.

Vụ Hè Thu sắp kết thúc và vụ Thu Đông sản lượng không quá lớn, nên nguồn cung gạo Việt Nam trong các tháng cuối năm sẽ không còn nhiều. Trong khi đó, một số thị trường nhập khẩu lương thực lớn vẫn có nhu cầu tương đối cao với mặt hàng gạo trong năm 2024. Dự báo, giá gạo từ nay đến cuối năm sẽ duy trì ở mức cao.

Trong các tháng cuối năm, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn sẽ có thêm nhiều khởi sắc tích cực. Hiện có hai nguyên nhân chính dẫn đến việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu gạo:

- Một là: Chính sách hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã và đang tạo ra cơ hội lớn cho các nước sản xuất khác, trong đó có Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam đang tận dụng tốt cơ hội này để nâng cao giá trị xuất khẩu gạo, đồng thời thâm nhập sâu hơn vào nhiều thị trường nhập khẩu truyền thống. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp cận mạnh mẽ hơn với các thị trường như Pê ru, Chile hay Canada.
- Hai là: Doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tập trung nhiều hơn vào mục tiêu nâng cao chất lượng gạo. Các giống lúa chất lượng cao được nghiên cứu và phát triển, quy trình canh tác được cải tiến, việc chế biến và bảo quản được chú trọng hơn đã từng bước giúp Việt Nam duy trì sản lượng xuất khẩu và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Nhiều thị trường khó tính và có tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Úc, New Zealand đang dần chấp nhận và chào đón nhiều hơn các chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Với nhiều yếu tố hỗ trợ từ sản xuất trong nước và tình hình quốc tế, dự báo hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam trong các tháng cuối năm 2024 sẽ còn nhiều điểm sáng. Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần đảm bảo gạo Việt Nam đáp ứng cả về sản lượng và chất lượng, tuân thủ đúng quy định về an toàn vệ sinh thực

phẩm và các yêu cầu khắt khe của từng thị trường nhập khẩu; đồng thời tận dụng tối đa yếu tố thời cơ cũng như biến động cung cầu để khẳng định thương hiệu gạo Việt trên thị trường quốc tế.